

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Phụ lục 3
của Quyết định số 354/QĐ-ĐHKG ngày 12/6/2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc sửa đổi, bổ sung một
số điều của Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên
tại Trường Đại học Kiên Giang

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiên Giang;

Căn cứ Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 415/QĐ-ĐHKG ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành quy định chế độ làm việc đối với giảng viên tại Trường Đại học Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 354/QĐ-ĐHKG ngày 12/6/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên tại Trường Đại học Kiên Giang;

Theo đề nghị của Trường phòng Tổ chức Cán bộ và Trường phòng Hợp tác và Khoa học Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi Phụ lục 3 tại khoản 8 Điều 1 của Quyết định số 354/QĐ-ĐHKG như sau: “**Phụ lục 3. Các hoạt động được quy đổi ra giờ nghiên cứu khoa học**

TT	Nội dung hoạt động hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học	Giờ chuẩn
1	Thuyết minh đề tài, dự án khoa học công nghệ (KH-CN)	
	+ Cấp nhà nước hoặc có giá trị từ 1 tỉ đồng trở lên	120
	+ Cấp bộ, tỉnh, hoặc có giá trị từ 300 triệu đồng đến 1 tỉ	80



TT	Nội dung hoạt động hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học	Giờ chuẩn	
	+ Cấp bộ, tỉnh hoặc có giá trị dưới 300 triệu đồng	60	
	+ Cấp trường	40	
2	Đề tài, dự án KHCN được nghiệm thu đúng hạn – tính cho 01 đề tài, dự án (Đề tài nghiệm thu trễ hạn có sự đồng ý của cơ quan thẩm quyền được tính bằng 75% so với đúng hạn)	Xuất sắc	340
		Giỏi	280
		Khá	240
		Đạt	200
	+ Cấp nhà nước xếp loại	Xuất sắc	220
		Giỏi	180
		Khá	150
		Đạt	130
	+ Cấp bộ, tỉnh xếp loại	Xuất sắc	150
		Giỏi	140
		Khá	130
		Đạt	120
+ Cấp trường xếp loại	Xuất sắc	150	
	Giỏi	140	
	Khá	130	
	Đạt	120	
3	Đề xuất đề tài, dự án KHCN được chọn đưa vào danh mục phê duyệt để thực hiện (tính cho 01 đề xuất)		
	+ Cấp nhà nước	50	
	+ Cấp bộ/tỉnh	30	
	+ Cấp trường	20	
4	Hội đồng thông qua thuyết minh đề cương NCKH sinh viên	03-05 thành viên/Hội đồng:	
	+ Chủ tịch	1,5 giờ/đề tài	
	+ Thư ký	1,0 giờ/đề tài	
	+ Ủy viên	1,0 giờ/đề tài	
5	Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH sinh viên	05 thành viên/Hội đồng:	
	+ Chủ tịch	04 giờ/đề tài	
	+ Ủy viên, Thư ký	03 giờ/đề tài	
	+ Ủy viên	03 giờ/đề tài	
	+ Ủy viên phản biện	04 giờ/đề tài	

TT	Nội dung hoạt động hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học	Giờ chuẩn	
6	Sách phục vụ đào tạo (Giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo, sách hướng dẫn kỹ thuật, từ điển chuyên ngành, tài liệu biên dịch sách hoặc giáo trình bằng tiếng nước ngoài sang tiếng Việt) được quy đổi phải được Hội đồng khoa học do Hiệu trưởng thành lập thẩm định, sử dụng để đào tạo từ trình độ đại học trở lên, đã được xuất bản có mã số chuẩn quốc tế ISBN.		
	+ Sách xuất bản bằng ngôn ngữ quốc tế	120	
	+ Sách xuất bản bằng tiếng Việt	60	
	+ Sách dịch từ ngôn ngữ quốc tế sang tiếng Việt	60	
7	Tạp chí khoa học		
	+ Tổng Biên tập, Phó Tổng Biên tập	60, 50	
	+ Thư ký	50	
	+ Ủy viên	40	
8	Giáo trình		
	+ Viết bằng ngôn ngữ quốc tế, trừ các học phần viết cho các lớp chuyên ngữ.	200	
	+ Viết bằng Tiếng Việt	150	
9	Bài báo khoa học		
	+ Bài báo khoa học đăng tạp chí khoa học xuất bản bằng ngôn ngữ quốc tế ở trong và ngoài nước (có mã ISSN) có chỉ số ảnh hưởng (IF - Impact factor) của năm kê khai:	Có chỉ số IF từ 7,5 trở lên	180
		Có chỉ số IF từ 3,0 đến 7,5	160
		Có chỉ số IF dưới 3,0	140
		Chưa có chỉ số IF	120
	+ Bài báo khoa học đăng tạp chí khoa học xuất bản bằng Tiếng Việt (có mã ISSN) có trong danh mục tạp chí được	Được tính điểm 0 – 1,0	160
	Được tính điểm 0 – 0,75	140	

V
IN
IQ
IA

TT	Nội dung hoạt động hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học		Giờ chuẩn	
	tính điểm của Hội đồng Chức danh Giáo sư nhà nước:	Được tính điểm 0 – 0,5	120	
		Được tính điểm 0 – 0,25	100	
	+ Bài báo khoa học đăng tạp chí khoa học xuất bản bằng Tiếng Việt (có mã ISSN) không nằm trong danh mục tạp chí được tính điểm của Hội đồng Chức danh Giáo sư nhà nước		60	
	+ Bài đăng Kỷ yếu hội thảo, hội nghị (có mã ISBN)	Quy mô quốc tế và xuất bản bằng ngôn ngữ quốc tế	60	
		Quy mô trong nước, xuất bản bằng Tiếng Việt	40	
10	Sản phẩm khoa học và công nghệ được cấp quyền sở hữu trí tuệ (gồm: sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng)		100	
11	Hướng dẫn NCKH cho sinh viên, học viên trong Trường – tính cho 01 đề tài (không phải là luận văn tốt nghiệp) nghiệm thu xếp loại:		Xuất sắc	80
			Giỏi	70
			Khá	60
			Đạt	50
12	Tham gia các Hội thi có liên quan về Khoa học và Công nghệ (đạt thành tích hoặc giải thưởng)	Cấp cơ sở	Giải nhất	80
			Giải nhì	60
			Giải ba	40
			Giải khác	20
		Cấp tỉnh, bộ	Giải nhất	140
			Giải nhì	120
			Giải ba	100
			Giải khác	80
		Cấp toàn quốc	Giải nhất	200
			Giải nhì	180
			Giải ba	160
			Giải khác	140
Quốc tế	Giải nhất	220		

TT	Nội dung hoạt động hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học		Giờ chuẩn	
		Giải nhì	200	
		Giải ba	180	
		Giải khác	160	
13	Sáng kiến cải tiến công việc (được Hội đồng sáng kiến thẩm định và đề nghị công nhận)	Cấp Trường	60	
		Cấp Tỉnh, Cấp Bộ	100	
14	Hội thảo khoa học (có tài liệu minh chứng hoặc cơ sở tổ chức Hội thảo xác nhận)	Cấp Khoa	Chỉ tham dự	2
			Có bài tham luận	4
			Tham gia báo cáo tại hội thảo	6
			Thư ký	8
			Chủ trì	10
		Cấp trường	Chỉ tham dự	4
			Có bài tham luận	8
			Tham gia báo cáo tại hội thảo	10
			Thư ký	12
			Chủ trì	15
		Cấp Tỉnh, Cấp Bộ	Chỉ tham dự	8
			Có bài tham luận	10
			Tham gia báo cáo tại hội thảo	12
			Thư ký	15
Chủ trì	20			
Cấp toàn quốc	Chỉ tham dự	15		
	Có bài tham luận	18		
	Tham gia báo cáo tại hội thảo	20		



TT	Nội dung hoạt động hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học		Giờ chuẩn
		Thư ký	25
		Chủ trì	30
	Cấp quốc tế	Chỉ tham dự	20
		Có bài tham luận	28
		Tham gia báo cáo tại hội thảo	30
		Thư ký	40
		Chủ trì	50

Ghi chú:

(1) Bảng quy đổi này được áp dụng cho các loại hình NCKH mà Trường Đại học Kiên Giang là cơ quan quản lý, chủ trì hoặc tham gia thực hiện; kể cả các đề tài, dự án có sự tham gia của đối tác nước ngoài. Tất cả các hoạt động, sản phẩm NCKH phải được hoàn thành và nghiệm thu trong năm xét.

(2) Người chủ trì/chủ nhiệm là 60%, 40% còn lại tính đều cho các thành viên khác (trừ trường hợp có thỏa thuận khác).

(3) Những ngôn ngữ quốc tế được tính: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc.

(4) Bài báo khoa học chỉ được tính quy đổi giờ NCKH khi nó không phải là sản phẩm của đề tài, dự án KHCN. Nếu bài báo khoa học là sản phẩm của đề tài, dự án KHCN được quy đổi giờ NCKH cao hơn kết quả xếp loại đề tài, dự án đã nghiệm thu thì chủ nhiệm hoặc nhóm nghiên cứu được tính giờ quy đổi sản phẩm theo bài báo khoa học.

(5) Các đối tượng chỉ tham dự Hội thảo khoa học quy đổi giờ tại khoản 14 phải có minh chứng xác nhận của lãnh đạo đơn vị và Phòng Hợp tác và Khoa học Công nghệ”

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho năm học 2020-2021.

Điều 3. Lãnh đạo Phòng Tổ chức Cán bộ, Phòng Kế hoạch – Tài chính, Phòng Đào tạo, Phòng Hợp tác và Khoa học Công nghệ, các đơn vị, cá nhân có liên quan và toàn thể giảng viên căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, TCCB (5).

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tuấn Khanh